

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẦN VĂN THỜI
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 111/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 11 – 4 – 2025

“Về tranh chấp ly hôn, nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Hứa Minh Hải.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Thanh Hiện

2. Bà Đỗ Mỹ Lil

- **Thư ký phiên toà:** Bà Phạm Tuyết Ngân, là Thư ký Toà án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

Ngày 11 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 47/2025/TLST-HNGĐ, ngày 12 tháng 02 năm 2025 về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 46/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 3 năm 2025, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Hồng Nh (Nh), sinh năm: 1974 (xin vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp 10C, xã T.H, huyện T, tỉnh Cà Mau.

- **Bị đơn:** Ông Đoàn Văn Nh1, sinh năm: 1971 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp 10C, xã T.H, huyện T, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện về việc xin ly hôn ngày 10/02/2025 và biên bản đề nghị vắng mặt ngày 04/3/2025, bà Nguyễn Hồng Nh trình bày:

- Về hôn nhân: Bà và ông Đoàn Văn Nh1 xác lập quan hệ hôn nhân và chung sống vợ chồng vào năm 2004, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T.H, huyện T, tỉnh Cà Mau. Hôn nhân được xác lập trên tinh thần tự nguyện, có tổ chức hỏi cưới theo phong tục, tập quán và được gia đình hai bên chấp thuận.

Quá trình chung sống, bà Nh cho rằng tình cảm vợ chồng không còn gắn bó, thường xuyên gây rối, cãi vã, cuộc sống không còn hạnh phúc, từ đó mâu thuẫn kéo dài mà không có cách khắc phục nên bà và ông Nh1 mỗi người sống một nơi từ

năm 2023 đến nay và hiện ông Nh1 đang sống chung với người phụ nữ khác. Do đó, bà xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nữa, không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Đoàn Văn Nh1.

- Về con chung: Bà Nh xác định giữa bà và ông Nh1 có 05 người con chung là Đoàn Thị Diễm M, sinh năm 1993, Đoàn Chí T, sinh năm 1995, Đoàn Linh T, sinh năm 1997, Đoàn An T, sinh năm 1995 và Đoàn Hồng Tr, sinh ngày 28/12/2013. Hiện các cháu Diễm M, Chí T, Linh T, An T đã thành niên, có gia đình và cuộc sống riêng; cháu Hồng Tr đang sống chung với bà bên gia đình mẹ bà ở huyện U Minh. Khi ly hôn, bà yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Tr để ổn định tâm lý và cuộc sống, đồng thời bà yêu cầu ông Nh1 có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Tr mỗi tháng 1.000.000đ đến khi cháu Tr đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung: Bà Nh xác định tự thỏa thuận.

- Về nợ chung: Bà Nh khai rằng giữa bà và ông Nh1 không có nợ ai và không ai nợ lại ông, bà.

* Đối với ông Đoàn Văn Nh1 vắng mặt không lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Về tố tụng: Về loại việc tranh chấp và thẩm quyền của Tòa án: Tranh chấp giữa bà Nguyễn Hồng Nh và ông Đoàn Văn Nh1 là tranh chấp về ly hôn, nuôi con nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đối với việc vắng mặt của ông Đoàn Văn Nh1: Mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần đến phiên tòa để tham gia xét xử vụ án, thông qua việc thực hiện thủ tục niêm yết công khai các văn bản tố tụng nhưng ông Nh1 vẫn không có ý kiến phản hồi đồng thời cũng không có mặt để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự tiến hành xét xử vắng mặt ông Nh1 theo quy định. Đối với việc đề nghị vắng mặt của bà Nguyễn Hồng Nh, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bà Nh theo quy định.

[2] Về hôn nhân: Bà Nguyễn Hồng Nh và ông Đoàn Văn Nh1 xác lập quan hệ vợ chồng, có tổ chức lễ cưới theo phong tục, tập quán, có đăng ký kết hôn vào năm 2004 và đủ điều kiện kết hôn theo luật định nên hôn nhân được chấp nhận là hợp pháp và được pháp luật công nhận, bảo vệ. Quá trình chung sống, do vợ chồng có nhiều điểm bất đồng trong cuộc sống, thường xuyên cãi vã, gây rối, dẫn đến tình cảm sứt mẻ, không quan tâm, chăm sóc, cảm thông, chia sẻ lẫn nhau. Xét mâu thuẫn thực tế là có nhiều mâu thuẫn, nhận thấy về mục đích hôn nhân không đạt. Bởi lẽ, trong cuộc sống vợ chồng của ông, bà, mỗi người đều có cách sống, cách nghĩ khác nhau. Từ đó, giữa vợ chồng đã nhiều lần cãi vã, làm mất lòng tin đối với nhau, mỗi người có cuộc sống và mối quan hệ riêng tư, không quan tâm, giúp đỡ

lẫn nhau. Mặt khác, sau khi xảy ra mâu thuẫn, bà Nh và ông Nh1 được gia đình hai bên động viên ở lại để ông, bà tự dung hoà nhằm hàn gắn tình cảm vợ, chồng nhưng không có hiệu quả. Thời gian này để cho ông, bà có điều kiện thử thách bản thân, suy ngẫm về cuộc sống vợ chồng đã qua nhằm tìm cách tháo gỡ, khắc phục khuyết điểm của mỗi bên để vợ, chồng đoàn tụ nhưng không ai có biện pháp gì để khắc phục tình trạng mâu thuẫn và cũng không quan tâm, thăm hỏi, giúp đỡ lẫn nhau. Bên cạnh đó, bà Nh cương quyết ly hôn, nếu không được xem xét thì bà cũng không thể quay lại chung sống với ông Nh1, vì ông Nh1 đã có người phụ nữ khác nên tình cảm không còn và tương lai, hạnh phúc cũng không có. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà Nh được ly hôn ông Nh1 là có căn cứ.

[3] Về con chung: Xét thấy các cháu: Đoàn Thị Diễm M, Đoàn Chí T, Đoàn Linh T, Đoàn An T đã thành niên, có gia đình và cuộc sống riêng nên không xem xét trách nhiệm nuôi con và nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con là phù hợp. Đối với cháu Đoàn Hồng Tr, tuy đã trên 07 tuổi, nhưng Tòa án không ghi ý kiến được do điều kiện học tập ở xa nhưng cháu Tr hiện sống cùng gia đình bên ngoại cháu và sống chung với bà Nh nên tình cảm, tâm lý, sự gắn bó, yêu thương, môi trường sống của cháu đã ổn định. Vì vậy, tiếp tục giao cháu Hồng Tr cho bà Nh được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp. Về khoản tiền cấp dưỡng nuôi con, bà Nh yêu cầu ông Nh1 cấp dưỡng mỗi tháng 1.000.000đ. Xét thấy, theo khoản 2 Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình thì cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con. Thấy rằng, ông Nh1 hiện tại cũng có công việc và thu nhập tương đối ổn định, xét điều kiện thu nhập thực tế của ông Nh1, mức sống, mức lương tối thiểu vùng, mức sinh hoạt thường ngày tại địa phương đối với một trẻ và theo hướng dẫn tại khoản 2 Điều 7 của Nghị quyết số: 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Tòa án nhân dân tối cao thì mức phí tổn nuôi dưỡng, giáo dục con tối thiểu không dưới $\frac{1}{2}$ mức lương tối thiểu vùng do Nhà nước quy định tại thời điểm xét xử sơ thẩm đối với một người con. Mức lương tối thiểu vùng hiện nay do Nhà nước quy định tại Nghị định 38/2022/NĐ-CP của Chính phủ kèm theo Danh mục địa bàn vùng đối với huyện T là 3.640.000đ. Vì vậy, buộc ông Nh1 phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Đoàn Hồng Tr mỗi tháng 1.000.000đ theo yêu cầu của bà Nh là có căn cứ.

[4] Về tài sản chung: Bà Nh xác định tự thỏa thuận nên không xem xét.

[5] Về nợ chung: Bà Nh khai rằng giữa bà và ông Nh1 không có nợ ai và không ai nợ lại ông, bà nên không đề cập giải quyết.

[6] Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Án phí dân sự sơ thẩm của người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con buộc người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con phải chịu theo quy định tại điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;
- Căn cứ khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Căn cứ điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Hồng Nh (Nh) về việc ly hôn ông Đoàn Văn Nh1.

2. Về con chung: Tiếp tục giao cháu Đoàn Hồng Tr, sinh ngày 28/12/2013 cho bà Nguyễn Hồng Nh trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục. Ông Đoàn Văn Nh1 không trực tiếp nuôi con vẫn được quyền đến thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được cản trở.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Buộc ông Đoàn Văn Nh1 có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Đoàn Hồng Tr mỗi tháng 1.000.000đ. Thời hạn cấp dưỡng từ khi bản án có hiệu lực pháp luật đến khi cháu Tr đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

4. Về tài sản chung: Tự thỏa thuận.

5. Về nợ chung: Không có.

6. Án phí dân sự sơ thẩm về Hôn nhân và gia đình, bà Nguyễn Hồng Nh phải chịu 300.000đ. Ngày 11 tháng 02 năm 2025, bà Nh đã nộp tạm ứng án phí 300.000đ theo biên lai số: 5198 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Cà Mau được đối trừ chuyển thu.

7. Án phí dân sự sơ thẩm của người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con buộc ông Nh1 phải chịu 300.000đ khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

8. Quyền kháng cáo: Bà Nguyễn Hồng Nh và ông Đoàn Văn Nh1 được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Trần Văn Thời;
- CCTHADS huyện Trần Văn Thời;
- Các đương sự;
- UBND xã T.H, huyện T, tỉnh Cà Mau;
- Lưu: Hồ sơ, văn thư.

THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**Hứa Minh Hải**